



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT LƯU VỰC SÔNG BẮNG GIANG – KỲ CÙNG

THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: 10/42 Trần Cung, Nghĩa Đô, Hà Nội; ĐT: 024.32665004; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbtnn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT LƯU VỰC SÔNG BÀNG GIANG – KỲ CÙNG	5
2.1. Dự báo tổng lượng nước nội sinh.....	5
2.2. Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng.....	7
2.3. Cảnh báo nguy cơ thiếu nước	8
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	8

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin dự báo và cảnh báo tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp thông tin về dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi lưu vực.

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là một trong những lưu vực sông lớn ở Việt Nam, bao gồm 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Kạn (nay là Thái Nguyên) với tổng diện tích lưu vực là 10.847km². Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình nhiều năm lưu vực sông Bằng Giang vào loại thấp, dao động khoảng từ 1.400 – 1.750mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại trạm Cao Bằng với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.406mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Nguyên Bình (1.764mm). Lượng mưa trung bình năm lưu vực sông Kỳ Cùng phổ biến từ khoảng 1.200 – 1.600mm, trong đó vùng ít mưa nhất tại Na Sầm với lượng mưa trung bình năm khoảng 1.118mm; nơi có lượng mưa trung bình năm cao nhất là Ngân Sơn (1.611mm). Tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng là 8,2 tỷ m³. Dòng chảy trên lưu vực sông Bằng Giang là 3,89 tỷ m³ chiếm 49,3% tổng lượng dòng chảy trung bình hàng năm, lượng nước trên dòng chính lưu vực sông Kỳ Cùng là 1,8 tỷ m³ chiếm 19,7%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Khê là 0,66 tỷ m³ chiếm 8,2%, lượng nước trên lưu vực sông Bắc Giang là 1,85 tỷ m³ chiếm 22,9 %.

Nội dung chính của Bản tin tháng 11 bao gồm dự báo tổng lượng nước nội sinh, tổng lượng nước có thể khai thác sử dụng và cảnh báo nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông thông qua 14 vùng dự báo: Lưu vực sông Rẻ Rào, Lưu vực sông Bắc Vọng, Dòng chính sông Hiến, Lưu vực sông Minh Khai, Dòng chính Bằng Giang đoạn 1, Dòng chính Bằng Giang đoạn 2, Dòng chính Bằng Giang đoạn 3, Lưu vực sông Bắc Khê, Lưu vực sông Bắc Giang, Lưu vực sông Mo Pia, Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1, Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2, Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3 và Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, P. Nghĩa Đô, Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Tháng 11 trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng tổng lượng nước mặt nội sinh dự báo dao động từ 0,20 đến 0,22 tỉ m³, xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

Theo kết quả dự báo trong tháng 11, trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường, không xảy ra hiện tượng thiếu nước tại các tiểu vùng.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT LƯU VỰC SÔNG BẮNG GIANG – KỲ CÙNG

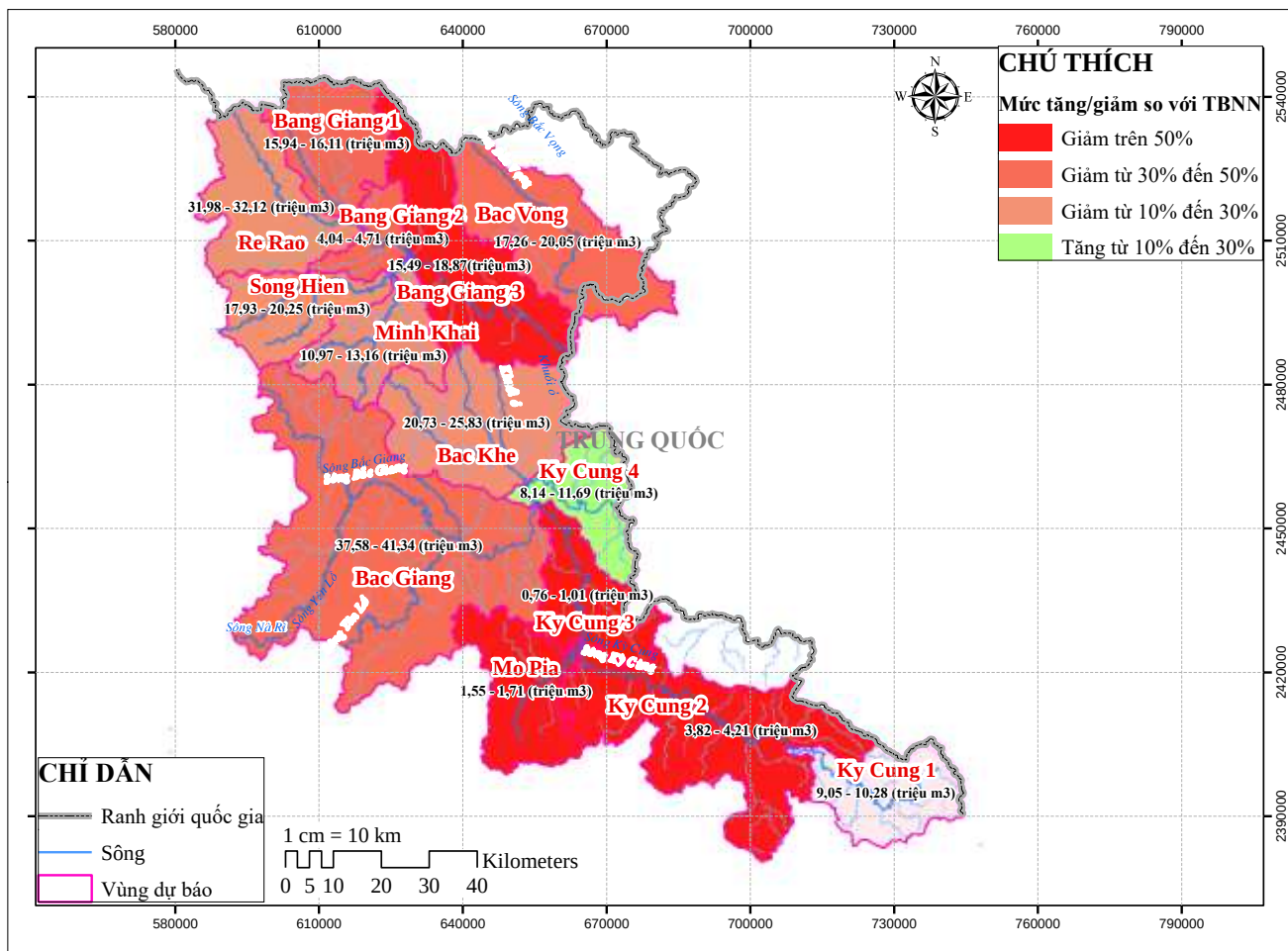
2.1. Dự báo tổng lượng nước nội sinh

Lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng hiện nay thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Thái Nguyên với tổng diện tích là 10.847 km². Lưu vực sông được chia thành 14 vùng dự báo.

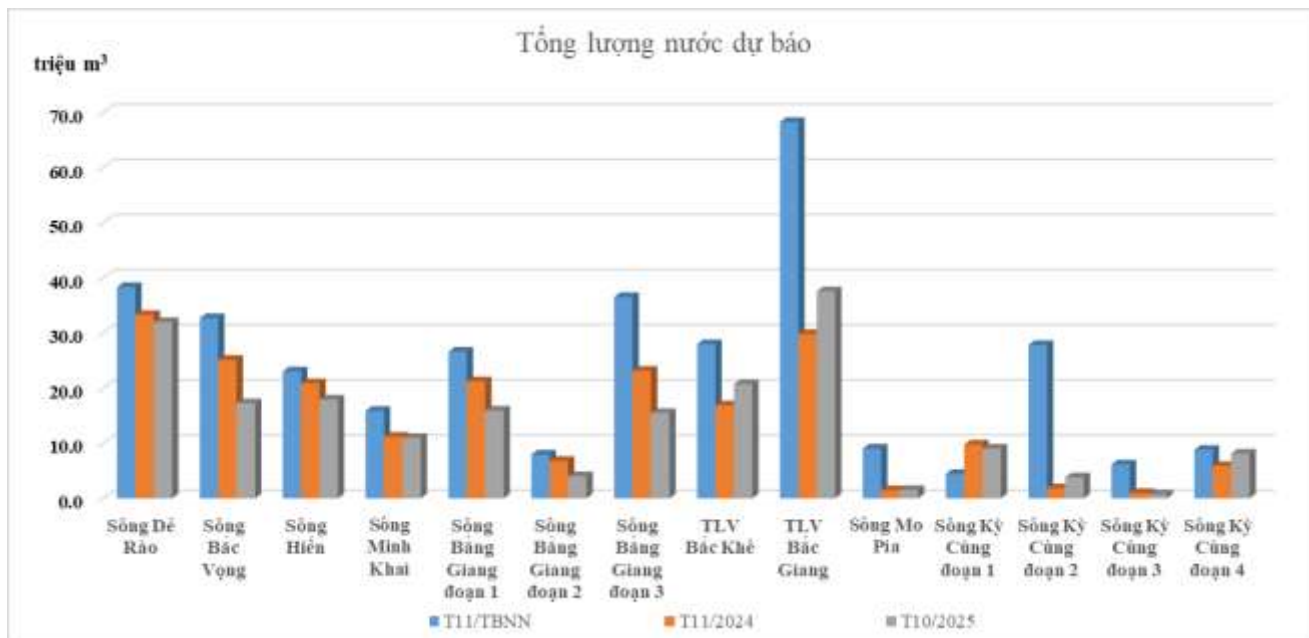
Căn cứ theo số liệu dự báo mưa từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia kết hợp với dữ liệu vệ tinh. Chúng tôi đã tiến hành tính toán, dự báo tổng lượng nước nội sinh đến 14 vùng thuộc lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng như sau:

Bảng 1: Dự báo tổng lượng nước nội sinh trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng

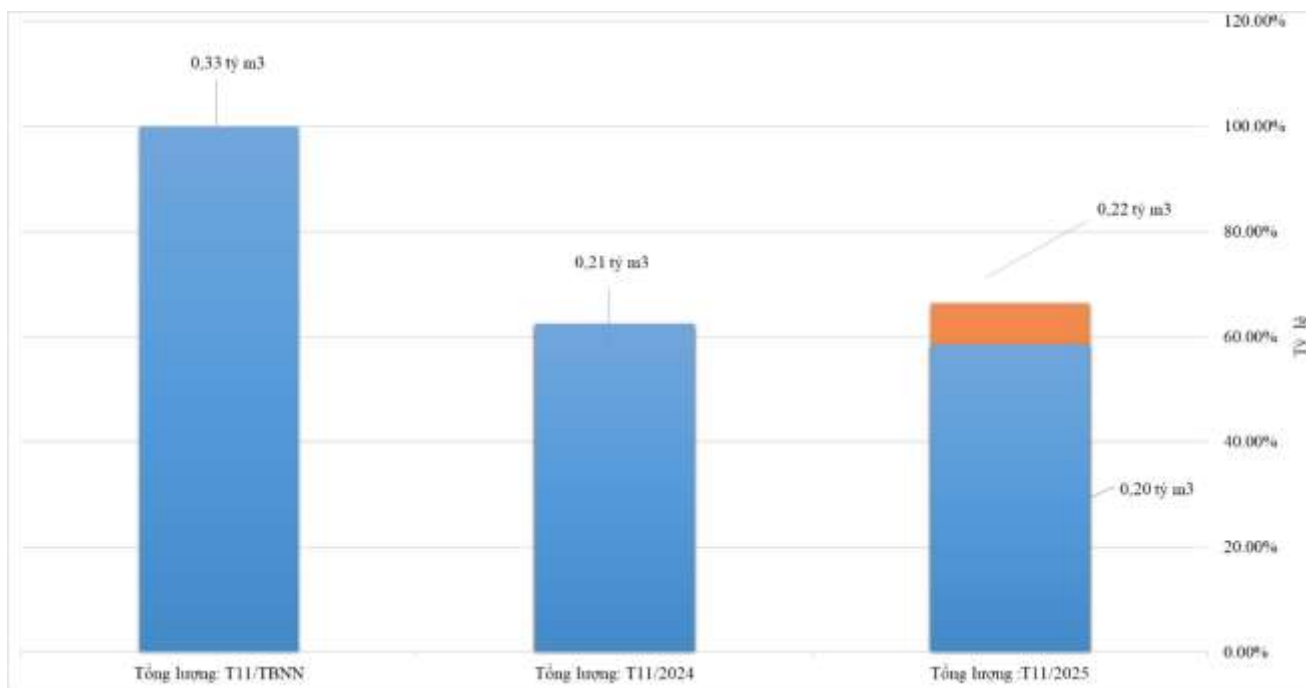
TT	Vùng dự báo	Tổng lượng nước dự báo (triệu m ³)	
		Từ	Đến
1	Lưu vực sông Rẻ Rào	31,98	32,12
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	17,26	20,05
3	Dòng chính sông Hiến	17,93	20,25
4	LVS Minh Khai	10,97	13,16
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Rẻ Rào	15,94	16,11
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Rẻ Rào đến trước nhập lưu sông Hiến	4,04	4,71
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ	15,49	18,87
8	Lưu vực sông Bắc Khê	20,73	25,83
9	Lưu vực sông Bắc Giang	37,58	41,34
10	Lưu vực sông Mỏ Pía	1,55	1,71
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải	9,05	10,28
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mỏ Pía	3,82	4,21
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mỏ Pía đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	0,76	1,01
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	8,14	11,69



Hình 1: Dự báo tổng lượng nước nội sinh tại các vùng dự báo



Hình 2: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh dự báo tại các vùng dự báo trong tháng 11/2025 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN



Hình 3: Biểu đồ so sánh tổng lượng nước nội sinh toàn lưu vực trong tháng 11/2025 so với cùng kỳ năm trước và cùng kỳ TBNN

2.2. Dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng

Dựa trên kết quả dự báo tổng lượng nước đến, tiến hành dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng tại 14 vùng trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng. Cụ thể như sau:

Bảng 2: Dự báo tổng lượng có thể khai thác sử dụng

TT	Vùng dự báo	Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng tháng 11 (triệu m³)	
		Từ	Đến
1	Lưu vực sông Rẻ Rào	31,98	32,12
2	Lưu vực sông Bắc Vọng	17,26	20,05
3	Dòng chính sông Hiến	17,93	20,25
4	LVS Minh Khai	10,97	13,16
5	Dòng chính Bằng Giang đoạn 1: từ biên giới VN - TQ đến trước nhập lưu sông Dẻ Rào	15,94	16,11
6	Dòng chính Bằng Giang đoạn 2: Sau nhập lưu sông Rẻ Rào đến trước nhập lưu sông Hiến	4,04	4,71
7	Dòng chính Bằng Giang đoạn 3: Sau nhập lưu sông Hiến đến biên giới VN - TQ	15,49	18,87
8	Lưu vực sông Bắc Khê	20,73	25,83
9	Lưu vực sông Bắc Giang	37,58	41,34

TT	Vùng dự báo	Lượng nước mặt có thể khai thác sử dụng tháng 11 (triệu m ³)	
		Từ	Đến
10	Lưu vực sông Mo Pia	1,55	1,71
11	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lải	9,05	10,28
12	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 2: Thủy văn Bản Lải đến trước nhập lưu sông Mố Pia	3,82	4,21
13	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 3: Sau nhập lưu sông Mố Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	0,76	1,01
14	Dòng chính sông Kỳ Cùng đoạn 4: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	8,14	11,69

2.3. Cảnh báo nguy cơ thiếu nước

Theo kết quả dự báo trong tháng 11, trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng ở trạng thái bình thường, không xảy ra hiện tượng thiếu nước tại các tiểu vùng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trong tháng 11 tổng lượng nước mặt nội sinh dự báo trên phạm vi các tiểu lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có xu hướng giảm với kết quả dự báo dao động từ 0,20 đến 0,22 tỉ m³, xấp xỉ so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ.

Căn cứ trên nhu cầu tháng của các tiểu vùng và đối chiếu kết quả dự báo lượng nước có thể khai thác sử dụng có thể thấy rằng, trong tháng 11 toàn bộ các tiểu lưu vực không bị thiếu nước. Tại các tiểu lưu vực này, việc xác định tỷ lệ phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong phải tuân thủ theo Điều 21, Thông tư 04/2020/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.